

Số: /KH-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng 02 năm 2026

KẾ HOẠCH
Phát triển hạ tầng số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW); Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 71/NQ-CP); Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 11/NQ-CP); Quyết định số 912/QĐ-BKHCN ngày 18/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số thời kỳ 2025 - 2030; Đề án số 22-ĐA/TU ngày 11/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030 (sau đây viết tắt là Đề án số 22-ĐA/TU); Kế hoạch hành động số 15-KH/TU ngày 12/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Kế hoạch hành động số 15-KH/TU), UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030, với nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng hạ tầng số trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Nghị quyết số 11/NQ-CP, Đề án số 22-ĐA/TU, Kế hoạch hành động số 15-KH/TU, và các văn bản có liên quan để chỉ đạo, triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất, hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung phát triển hạ tầng số theo hướng phổ cập, đồng bộ, hiện đại, an toàn, bền vững và có tính dự phòng cao; phục vụ đắc lực công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy Đảng, chính quyền; đáp ứng nhu cầu tiếp cận, sử dụng dịch vụ số chất lượng cao của người dân, doanh nghiệp, tổ

chức. Qua đó tạo dựng nền tảng thúc đẩy Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số của tỉnh.

- Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao phủ sóng toàn tỉnh.

- Xây dựng hạ tầng số đủ năng lực kết nối, lưu trữ, xử lý và chia sẻ dữ liệu quy mô lớn, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, chất lượng tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Huy động các nguồn lực đầu tư và tăng cường hợp tác công - tư (PPP), vận động, thu hút các doanh nghiệp công nghệ, viễn thông tham gia phát triển hạ tầng số, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá tiến độ và hiệu quả triển khai của các cơ quan, đơn vị để kịp thời xem xét chỉ đạo, giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đảm bảo hiệu quả triển khai theo tiến độ yêu cầu. Đồng thời định kỳ hằng quý, hằng năm tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch này theo quy định.

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu năm 2026

a) Hạ tầng viễn thông - Internet

- Thu hút vốn doanh nghiệp đầu tư phát triển mới 7.000 trạm 5G; tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn tỉnh đạt trên 95%.

- Tối thiểu 96% người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.

- Tỷ lệ thôn xóm được phủ sóng di động băng rộng đạt 100%.

- Tỷ lệ thôn xóm được phủ băng rộng cố định (cáp quang) đạt 100%.

b) Hạ tầng dữ liệu

- Hoàn thành triển khai Trung tâm dữ liệu tỉnh (theo mô hình DC-DR) đáp ứng yêu cầu lưu trữ, tích hợp, chia sẻ, khai thác dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành và cung cấp dịch vụ công.

- Hoàn thiện, nâng cấp nền tảng LGSP đảm bảo đáp ứng yêu cầu mở rộng, kết nối, chia sẻ dữ liệu.

- Tổ chức tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu chuyên ngành (dân cư, đất đai, doanh nghiệp,...) trên nền tảng số dùng chung của tỉnh, đảm bảo 100% dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp, chia sẻ qua nền tảng LGSP.

- Thu hút đầu tư xây dựng Trung tâm dữ liệu tại tỉnh
- Thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng Trung tâm tính toán đặt tại tỉnh Thái Nguyên.

c) Hạ tầng vật lý - số: Thúc đẩy đầu tư, phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) theo hướng đồng bộ, hiện đại, phù hợp với quy hoạch; bảo đảm khả năng kết nối, quản lý và khai thác hiệu quả, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu khi hình thành các khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, trung tâm đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

d) Hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ

- Hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng chữ ký số, chữ ký điện tử cá nhân; phấn đấu đạt tỷ lệ 70% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

- Tăng cường triển khai tên miền “.vn” là thương hiệu quốc gia trên địa bàn tỉnh, phấn đấu tên miền “.vn” chiếm tỷ lệ 60% tổng số tên miền được sử dụng trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển các nền tảng cung cấp các công nghệ số (IoT, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, an ninh mạng,...) như dịch vụ, đóng vai trò là hạ tầng mềm để phát triển kinh tế, xã hội.

- Thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích dữ liệu, tổng hợp thông tin, hỗ trợ công tác dự báo, xây dựng báo cáo và ra quyết định trong các cơ quan chính quyền, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả chỉ đạo, điều hành và quản lý nhà nước.

2.2. Mục tiêu đến năm 2030

a) Hạ tầng viễn thông - Internet

- 100% người sử dụng có khả năng truy nhập cáp quang với tốc độ 1Gb/s trở lên.
- Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 100% dân số.
- Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn tỉnh đạt trên 90%; chuyển đổi hoàn toàn mạng Internet tỉnh sang IPv6, sẵn sàng cho IPv6 only và đáp ứng yêu cầu phát triển Internet vạn vật (IoT).

b) Hạ tầng dữ liệu

- Tiếp tục nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh phục vụ chính quyền điện tử và chuyển đổi số.

- Thu hút 01 - 02 trung tâm dữ liệu đạt tiêu chuẩn quốc tế (Tier III trở lên), cung cấp đa dạng các dịch vụ, thuê chỗ đặt máy chủ (colocation), điện toán đám mây và tính toán hiệu năng cao.

- Thiết lập được 01 trung tâm tính toán thuộc nhóm dẫn đầu của Việt Nam.

c) *Hạ tầng vật lý - số*: Hạ tầng IoT bảo đảm sẵn sàng kết nối và khai thác hiệu quả khi hình thành các khu công nghệ cao, khu công nghệ (công nghệ số) tập trung, trung tâm đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

d) *Hạ tầng tiện ích số và Công nghệ số như dịch vụ*

- Phân đấu trên 80% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

- Tên miền “.vn” chiếm tỷ lệ 80% tổng số tên miền được sử dụng trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số (*bao gồm các nền tảng số: Định danh số, xác thực số; thanh toán số, hóa đơn số; tích hợp, chia sẻ dữ liệu*).

(có Phụ lục chi tiết kèm theo)

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Hoàn thiện và bảo đảm trong quy hoạch tỉnh các điều kiện sẵn sàng cho phát triển hạ tầng số; ưu tiên bố trí không gian, vị trí, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển nhà trạm thu phát sóng di động, hạ tầng băng rộng, xây dựng trung tâm dữ liệu và các công trình hạ tầng số khác trên địa bàn tỉnh.

2. Rà soát, triển khai, tuân thủ các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan trong việc phát triển hạ tầng viễn thông, cung cấp dịch vụ viễn thông đảm bảo chất lượng, an toàn, áp dụng các công nghệ xanh, thân thiện với môi trường, phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế.

3. Phát triển Khu công nghệ số tập trung thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài về công nghệ bán dẫn, trung tâm dữ liệu, trí tuệ nhân tạo,... Thúc đẩy doanh nghiệp tái đầu tư hạ tầng, đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D).

4. Đẩy mạnh hoạt động phát triển quan hệ chiến lược với doanh nghiệp Trung ương nhằm phát triển hạ tầng kết nối băng rộng, tập trung xóa khu vực lõm sóng, trắng sóng, đồng thời có chính sách đầu tư hạ tầng số trọng điểm cho các xã khu vực phía Bắc nhằm nâng cao mặt bằng phát triển chuyển đổi số của tỉnh, góp phần thu hẹp khoảng cách số, hướng tới mục tiêu là tỉnh có chất lượng kết nối mạng tốt nhất cả nước.

5. Ưu tiên phát triển hạ tầng số tại các khu vực trọng điểm như khu công nghiệp, đô thị thông minh, khu hành chính tập trung..., bảo đảm tính kết nối, liên thông và đồng bộ. Thúc đẩy chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng số với các kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội để tăng hiệu quả đầu tư, sử dụng hiệu quả tài nguyên.

Thúc đẩy phát triển hạ tầng số công cộng, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây. Ưu tiên phát triển hạ tầng viễn thông (trạm BTS,...) kiên cố, bền vững tại các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai.

6. Xem xét bố trí quỹ đất phù hợp trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh cho các dự án trung tâm dữ liệu, ưu tiên việc bố trí tại các khu công nghiệp và các khu vực có điều kiện thuận lợi về hạ tầng kỹ thuật trên cơ sở phù hợp với Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, Chiến lược hạ tầng số và Quy hoạch tỉnh.

7. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông mở rộng vùng phủ sóng băng thông rộng (4G, 5G, cáp quang) đến các khu vực miền núi, khu vực có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống và khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bảo đảm người dân được tiếp cận hạ tầng số cơ bản. Nâng cấp, mở rộng đường truyền tốc độ cao cho các cơ quan Đảng, Nhà nước, trường học, cơ sở y tế, bảo đảm phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ số thiết yếu cho người dân và doanh nghiệp.

8. Nghiên cứu xây dựng (hoặc thuê dịch vụ) trung tâm dữ liệu và hệ thống tính toán hiệu năng cao (nếu có quy mô đủ lớn). Xây dựng quy chế về chia sẻ hạ tầng số.

9. Xây dựng kế hoạch triển khai hạ tầng mạng di động 5G, hạ tầng kết nối Internet vạn vật tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu kết nối phục vụ sản xuất, quản trị và chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

10. Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ, trọng tâm là các nền tảng: Định danh số; xác thực số; thanh toán số, hóa đơn số; tích hợp, chia sẻ dữ liệu; xác thực văn bản số; chữ ký số và chứng thực chữ ký số.

11. Phát triển các dịch vụ tiện ích số thông minh trong các lĩnh vực trọng điểm như: Nông nghiệp, công nghiệp, giao thông, y tế, giáo dục, du lịch, môi trường, đô thị thông minh.

12. Khuyến khích xã hội hóa đầu tư, triển khai các mô hình hợp tác công - tư để mở rộng, nâng cấp hạ tầng tiện ích số theo Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 18/01/2026 của UBND tỉnh về hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP), đồng thời thúc đẩy cung cấp dịch vụ số sáng tạo, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dân, doanh nghiệp, tổ chức.

13. Phát triển các dịch vụ số tiên tiến dựa trên công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), internet kết nối vạn vật (IoT), chuỗi khối (Blockchain), phân tích dữ liệu

lớn (Big Data Analytics), phục vụ dự báo, cảnh báo, giám sát và ra quyết định nhanh, chính xác.

14. Hoàn thành triển khai Trung tâm dữ liệu tỉnh (theo mô hình DC-DR); thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng trung tâm tính toán đặt tại Thái Nguyên; phối hợp nghiên cứu, đầu tư Trung tâm Logistics đồng bộ, hiện tại với diện tích tối thiểu 10ha.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp nhiệm vụ chi hiện hành và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ trong dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao đảm bảo đúng theo quy định.

3. Khuyến khích việc huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện Kế hoạch.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại Kế hoạch này đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch; chủ động đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung mục tiêu và nội dung của Kế hoạch cho phù hợp với thực tế của tỉnh.

- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành có liên quan trong công tác quản lý nhà nước về viễn thông trên địa bàn tỉnh; chủ động triển khai, đề xuất các giải pháp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp viễn thông hoạt động trên địa bàn tỉnh đầu tư phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ và năng lực cạnh tranh.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng viễn thông phù hợp với quy hoạch tỉnh và quy định của pháp luật.

- Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc và định kỳ hằng quý, hằng năm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch báo cáo UBND tỉnh theo quy định (*hoặc lồng ghép với báo cáo thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, báo cáo chuyên đề*).

2. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị có liên quan thực hiện thu hút, hướng dẫn về trình tự, thủ tục cho các doanh nghiệp trong và ngoài

nước nghiên cứu, đầu tư phát triển các dự án phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh theo quy định.

- Trên cơ sở đề xuất các hoạt động thực hiện các nội dung kế hoạch lồng ghép với các nhiệm vụ chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị và địa phương, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí kinh phí thực hiện theo phân cấp ngân sách và đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Sở Xây dựng

- Chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn thực hiện việc xây dựng và phát triển hạ tầng viễn thông thụ động phù hợp với quy hoạch kiến trúc, đô thị của tỉnh và quy định của pháp luật về xây dựng.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan rà soát danh mục các tuyến đường, tuyến phố cần phải đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; đồng thời thông báo, hỗ trợ các doanh nghiệp trong công tác di dời, giải phóng mặt bằng và sử dụng chung hạ tầng với hạ tầng ngành khác tại các tuyến đường, tuyến phố.

- Chấp thuận, cấp phép thi công cho các doanh nghiệp viễn thông xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền quy định.

4. Sở Công Thương: Đảm bảo có nội dung dành cho phát triển hạ tầng số trong các quy hoạch liên quan; thúc đẩy rà soát, bổ sung các quy hoạch về điện đảm bảo có nguồn điện xanh - sạch, đảm bảo dự phòng cao để thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển Trung tâm dữ liệu.

5. Công an tỉnh

- Chủ trì, hướng dẫn các đơn vị về bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình phát triển hạ tầng số.

- Phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp hạ tầng số, UBND các xã, phường đảm bảo an ninh trật tự tại các cơ sở hạ tầng viễn thông. Kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi cản trở việc xây dựng hợp pháp, hành vi phá hoại, xâm phạm cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh.

6. Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên

- Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ giám sát, hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông triển khai hạ

tầng 5G tại các khu công nghiệp thực hiện đúng tiến độ, chất lượng và yêu cầu của kế hoạch.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp viễn thông trong việc lắp đặt và triển khai các trạm BTS 5G, bao gồm việc sử dụng đất, sử dụng không gian tại các khu công nghiệp, hỗ trợ xử lý các vướng mắc và phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền trong việc giải quyết các thủ tục hành chính liên quan, bảo đảm đúng quy định pháp luật.

- Bảo đảm sự đồng bộ trong triển khai giữa các hạ tầng cơ sở và hạ tầng viễn thông, hỗ trợ việc chia sẻ hạ tầng và sử dụng chung thiết bị kỹ thuật giữa các doanh nghiệp.

- Cung cấp thông tin đầy đủ về các lợi ích của việc triển khai hạ tầng 5G và IoT đến các doanh nghiệp trong khu vực, giúp doanh nghiệp hiểu rõ tầm quan trọng của việc áp dụng công nghệ số.

7. UBND các xã, phường

- Hỗ trợ, tạo điều kiện để các doanh nghiệp viễn thông triển khai các nhiệm vụ phát triển hạ tầng, nâng cao chất lượng dịch vụ viễn thông trên địa bàn quản lý phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Khi xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển của từng địa phương phải có phương án quản lý, thúc đẩy phát triển hạ tầng số; phối hợp với doanh nghiệp viễn thông để kịp thời triển khai thiết lập mạng, cung cấp dịch vụ tại các khu vực, vị trí lờm sóng di động hoặc chưa được phủ mạng cáp quang.

- Thường xuyên rà soát, đo kiểm tốc độ mạng băng rộng cố định, di động (qua ứng dụng i-SPEED) để kịp thời yêu cầu doanh nghiệp khắc phục, đảm bảo chất lượng dịch vụ.

- Thực hiện việc cấp phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động theo phân cấp và theo quy định hiện hành.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan tiếp nhận và giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai kế hoạch trên địa bàn.

8. Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh

- Trên cơ sở các định hướng nêu tại Kế hoạch này, chủ động xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng số của đơn vị và tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm chất lượng và hiệu quả.

- Đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng mạng 5G trên địa bàn tỉnh phù hợp với điều kiện và khả năng của doanh nghiệp; đầu tư mở rộng, nâng cấp mạng cáp quang băng rộng, đảm bảo hạ tầng sẵn sàng cung cấp dịch vụ truy nhập

Internet tốc độ cao (1 Gb/s) cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người sử dụng khi có nhu cầu.

- Đảm bảo hạ tầng kết nối IoT, tạo điều kiện tích hợp các cảm biến và thiết bị IoT vào hạ tầng kỹ thuật truyền thống như: Giao thông vận tải, năng lượng, hậu cần, chính quyền đô thị, y tế, giáo dục và các lĩnh vực thiết yếu khác.

- Thực hiện đúng quy định của pháp luật về phát triển hạ tầng số; đảm bảo mỹ quan, an toàn; đẩy mạnh chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động và hạ tầng kỹ thuật liên ngành nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, khai thác.

- Tuân thủ các quy định về cấp phép và quản lý xây dựng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; các quy định trong xây dựng; chấp hành các quy định và tăng cường việc chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng viễn thông, hạ tầng kỹ thuật liên ngành.

- Định kỳ hằng quý, năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, các doanh nghiệp viễn thông báo cáo tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, theo dõi.

9. Báo và Phát thanh, truyền hình Thái Nguyên; Trung tâm Thông tin tỉnh: Tăng cường thông tin tuyên truyền tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp, tổ chức hiểu rõ về mục đích, ý nghĩa của việc phát triển hạ tầng số trong phục vụ đời sống và quá trình xây dựng Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số của tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch phát triển hạ tầng số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030. Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND các xã, phường chỉ đạo, triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp, hiệu quả, đúng tiến độ. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị kịp thời báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Khoa học và Công nghệ*) để xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Đài và PTTH Thái Nguyên;
- UBND các xã, phường;
- Các doanh nghiệp viễn thông;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (Thái)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Loan

**DANH MỤC GIAO NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ
TỈNH THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

| TT | Tên nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Kết quả thực hiện | Thời gian hoàn thành |
|--|--|-----------------------------|---|---|----------------------|
| I. Mục tiêu hết năm 2026 | | | | | |
| I.1 Hạ tầng viễn thông - Internet | | | | | |
| 1 | Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn tỉnh đạt trên 95% dân số | Các doanh nghiệp viễn thông | Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các xã, phường | Hoàn thành các chỉ tiêu đề ra | Quý IV/2026 |
| 2 | Tối thiểu 96% người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s | | | | Quý IV/2026 |
| 3 | Tỷ lệ thôn xóm được phủ sóng di động băng rộng đạt 100% | | | | Quý III/2026 |
| 4 | Tỷ lệ thôn, xóm, tổ dân phố được phủ băng rộng cố định (cáp quang) đạt 100% | | | | Quý III/2026 |
| 5 | Dự kiến đầu tư phát triển mới 7.000 trạm 5G | | | | Quý IV/2026 |
| I.2 Hạ tầng dữ liệu | | | | | |
| 1 | Hoàn thành triển khai Trung tâm dữ liệu tỉnh (theo mô hình DC-DR) đáp ứng yêu cầu lưu trữ, tích hợp, chia sẻ, khai thác dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành và cung cấp dịch vụ công | Sở Khoa học và Công nghệ | Các cơ quan, đơn vị và các doanh nghiệp viễn thông có liên quan | Hoàn thành việc triển khai Trung tâm dữ liệu tỉnh đáp ứng yêu cầu | Quý I/2026 |

| TT | Tên nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Kết quả thực hiện | Thời gian hoàn thành |
|-----------|--|--|---|--|-----------------------------|
| 2 | Hoàn thiện, nâng cấp nền tảng LGSP đảm bảo đáp ứng yêu cầu mở rộng, kết nối, chia sẻ dữ liệu | | | Hoàn thành việc nâng cấp nền tảng LGSP đảm bảo đáp ứng yêu cầu | Quý II/2026 |
| 3 | Tổ chức tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu chuyên ngành (dân cư, đất đai, doanh nghiệp,...) trên nền tảng số dùng chung của tỉnh, đảm bảo 100% dữ liệu của các sở, ban, ngành được tích hợp, chia sẻ qua nền tảng LGSP | Sở Khoa học và Công nghệ | Các cơ quan, đơn vị và các doanh nghiệp viễn thông có liên quan | Hoàn thành việc tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu chuyên ngành trên nền tảng số dùng chung của tỉnh | Quý IV/2026 |
| 4 | Thu hút đầu tư xây dựng Trung tâm dữ liệu tại tỉnh | Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Khởi công xây dựng Trung tâm dữ liệu tại tỉnh | Quý II/2026 |
| 5 | Thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng Trung tâm tính toán đặt tại Thái Nguyên | Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ | Các cơ quan, đơn vị có liên quan | Năm 2026, tham mưu đề xuất UBND tỉnh báo cáo Trung ương quan tâm, đồng ý chủ trương triển | Quý IV/2026 |

| TT | Tên nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Kết quả thực hiện | Thời gian hoàn thành |
|------------|--|--|---|--|-----------------------------|
| | | | | khai Trung tâm tính toán trên địa bàn tỉnh | |
| I.3 | <i>Hạ tầng vật lý - số</i> | | | | |
| 1 | Hỗ trợ thúc đẩy đầu tư, phát triển hạ tầng IoT theo hướng đồng bộ, hiện đại, phù hợp với quy hoạch; bảo đảm khả năng kết nối, quản lý và khai thác hiệu quả, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu khi hình thành các khu công nghệ cao, khu công nghệ (công nghệ số) tập trung, trung tâm đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh | Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên; Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan | UBND các xã, phường | Hoàn thành việc triển khai | Quý IV/2026 |
| I.4 | <i>Hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ</i> | | | | |
| 1 | Phân đấu đạt tỷ lệ 70% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân | Các doanh nghiệp viễn thông | Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các xã, phường | Hoàn thành các chỉ tiêu đề ra | Quý IV/2026 |
| 2 | Tên miền “.vn” chiếm tỷ lệ 60% tổng số tên miền được sử dụng trên địa bàn tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | Trung tâm Internet Việt Nam; các sở, ban, ngành của tỉnh và UBND các xã, phường | | Quý IV/2026 |

| TT | Tên nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Kết quả thực hiện | Thời gian hoàn thành |
|-------------|---|---|---|---|-----------------------------|
| 3 | Thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích dữ liệu, tổng hợp thông tin, hỗ trợ công tác dự báo, xây dựng báo cáo và ra quyết định trong các cơ quan chính quyền, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả chỉ đạo, điều hành và quản lý nhà nước | Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường | Sở Khoa học và Công nghệ; các doanh nghiệp công nghệ số | Triển khai các ứng dụng AI trong hoạt động chỉ đạo, điều hành | Thường xuyên |
| II | Mục tiêu đến năm 2030 | | | | |
| II.1 | Hạ tầng viễn thông - Internet | | | | |
| 1 | 100% người sử dụng có khả năng truy nhập cáp quang với tốc độ 1Gb/s trở lên | Các doanh nghiệp viễn thông | Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các xã, phường | Hoàn thành chỉ tiêu đề ra | Quý IV/2030 |
| 2 | Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 100% dân số tỉnh | Các doanh nghiệp viễn thông | Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các xã, phường | | Quý IV/2030 |
| 3 | Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn tỉnh đạt trên 90%; chuyển đổi hoàn toàn mạng Internet tỉnh sang IPv6, sẵn sàng cho IPv6 only và đáp ứng yêu cầu phát triển Internet vạn vật (IoT) | Các doanh nghiệp viễn thông | Các sở, ban, ngành của tỉnh; UBND các xã, phường | Hoàn thành các chỉ tiêu đề ra | Quý IV/2030 |
| II.2 | Hạ tầng dữ liệu | | | | |
| 1 | Tiếp tục nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh phục vụ chính quyền điện tử và chuyển đổi số | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường | Hoàn thành việc nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh | Quý IV/2030 |

| TT | Tên nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Kết quả thực hiện | Thời gian hoàn thành |
|---|--|--|--|--------------------------------------|-----------------------------|
| 2 | Thu hút 01 - 02 trung tâm dữ liệu đạt tiêu chuẩn quốc tế (Tier III trở lên), cung cấp đa dạng các dịch vụ, thuê chỗ đặt máy chủ (colocation), điện toán đám mây và tính toán hiệu năng cao | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính | Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan | Hoàn thành việc thu hút | |
| 3 | Thiết lập được 01 trung tâm tính toán thuộc nhóm dẫn đầu của Việt Nam | Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính | Địa phương có liên quan | Hoàn thành việc thiết lập | |
| II.3 Hạ tầng vật lý - số | | | | | |
| 1 | Hạ tầng IoT bảo đảm sẵn sàng kết nối và khai thác hiệu quả khi hình thành các khu công nghệ cao, khu công nghệ (công nghệ số) tập trung, trung tâm đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh | Ban Quản lý các khu công nghiệp Thái Nguyên; Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan, đơn vị liên quan | UBND các xã, phường | Hạ tầng IoT bảo đảm sẵn sàng kết nối | Quý IV/2030 |
| II.4 Hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ | | | | | |
| 1 | Phấn đấu trên 80% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân | Các doanh nghiệp viễn thông | Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường | Hoàn thành chỉ tiêu đề ra | Quý IV/2030 |
| 2 | Tên miền “.vn” chiếm tỷ lệ 80% tổng số tên miền được sử dụng trên địa bàn tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | Trung tâm Internet Việt Nam; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường | | |

